

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
Về việc đặt tên đường mới**

\*\*\*\*\*

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

- Căn cứ Công văn số 233/HĐ ngày 25 tháng 10 năm 2001 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc đóng góp ý kiến sửa đổi, đặt mới tên đường thành phố của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VI;

- Xét đề nghị của Hội đồng đổi, đặt mới tên đường thành phố;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay đặt tên đường mới cho 118 (một trăm mười tám) con đường thuộc : Khu A Nam Sài Gòn; các quận 2, 6, 8, 9, 11, Bình Thạnh, Tân Bình và các huyện Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ (theo danh sách đính kèm).

**Điều 2.** Giao trách nhiệm cho Sở Văn hóa Thông tin thành phố, Sở Địa chính - Nhà đất thành phố, Sở Giao thông công chánh, Công an thành phố, Bưu điện thành phố, Ban quản lý Khu Nam, Ủy ban nhân dân các quận 2, 6, 7, 8, 9, 11, Bình Thạnh, Tân Bình và các huyện Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ theo chức năng của mình, có kế hoạch tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên đường mới nêu ở Điều 1 quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng đổi, đặt mới tên đường thành phố, Thủ trưởng các sở ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3
- Thường trực Thành ủy
- TTHĐND.TP
- Ủy ban nhân dân thành phố
- Các ĐB HĐND.TP
- UBMTTQ/TP và các Đoàn thể
- VPTU- Các Ban Thành ủy
- Các Ban của HĐND.TP
- Các sở, ngành thành phố
- UBND các quận, huyện
- Hội đồng đặt tên đường thành phố (5)
- Báo Đài thành phố
- VPHĐ-UB : CPVP, các tổ NCTH
- Lưu (VX)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Th.  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2002

### **ĐƯỜNG ĐẶT TÊN MỚI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2002/QĐ-UB  
ngày 07 tháng 01 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố)

\*\*\*\*\*

<b>S TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Vị trí - chiều dài</b>
<b>I. Khu A Nam Sài Gòn</b>		
1.	1. Bertrand Russell	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2102 + C2102, dài : 570m
2.	2. Bùi Bằng Đoàn	Đặt tên cho đoạn đường Bắc Park Way, dài : 568m
3.	3. Cao Triều Phát	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2102, dài : 310m
4.	4. Đặng Đại Độ	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2105, dài : 420m
5.	5. Đặng Đức Thuật	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2103, dài : 1000m
6.	6. Đô Đốc Tuyết	Đặt tên cho đường ký hiệu CN.2106, dài : 261m
7.	7. Hà Huy Tập	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2102, dài : 1.375m
8.	8. Hoàng Văn Thái	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2101 + C.2101, dài : 1632m
9.	9. Khổng Tử	Đặt tên cho đường ký hiệu M.2101 + C.2108, dài : 1015m
10.	10. Lê Văn Thiêm	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2103, dài : 470m
11.	11. Luther King	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2106, dài : 132m

12.	12. Lý Long Tường	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2105, dài : 772m
13.	13. Morison	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2103 + C.2103, dài : 569m
14.	14. Nguyễn Bình	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2109, dài : 636m
15.	15. Nguyễn Cao	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2106, dài : 320m
16.	16. Nguyễn Đông Chi	Đặt tên cho đường ký hiệu R&C, dài : 960m
17.	17. Nguyễn Đức Cảnh	Đặt tên cho đoạn đường Nam Park Way, dài : 860m
18.	18. Nguyễn Khắc Viện	Đặt tên cho đường ký hiệu C2105, dài : 652m
19.	19. Nguyễn Lương Bằng	Đặt tên cho đường ký hiệu Broad Way, dài : 2.393m
20.	20. Nguyễn Phan Chánh	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2106, dài : 196m
21.	21. Phạm Thái Bường	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2101, dài : 860m
22.	22. Phạm Thiều	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2104 + C.2104, dài : 902m
23.	23. Phạm Văn Nghị	Đặt tên cho đường ký hiệu H.2108, dài : 306m
24.	24. Phan Khiêm ích	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2101, dài : 100m
25.	25. Phan Văn Chương	Đặt tên cho đường ký hiệu R.2107, dài : 169m
26.	26. Rạch Dơi	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2108, dài : 204m
27.	27. Raymondienne	Đặt tên cho đường ký hiệu C.2104,

		dài : 537m
28.	28. Tân Phú	Đặt tên cho đường ký hiệu C.2109, dài : 983m
29.	29. Tân Trào	Đặt tên cho đường ký hiệu Market Street, dài : 537m
30.	30. Tôn Dật Tiên	Đặt tên cho đường ký hiệu CR.2105, dài : 748m
31.	31. Trần Văn Trà	Đặt tên cho đường ký hiệu C.2401 + C.2404 Roi River Drive, dài : 1975m
<b>II. Quận 2</b>		
32	1. Đặng Hữu Phổ	(Đặt tên cho đường số 49 -phường Thảo Điền). Từ đường Thảo Điền đến đường số 38, dài : 260m
33	2. Đoàn Hữu Trưng	(Đặt tên cho đường số 27 - phường An Phú) Từ đường số 26 đến đường số 31, dài : 300m
34	3. Đỗ Quang	(Đặt tên cho đường số 2 - khu Thanh Bình - phường Thảo Điền) từ đường số 49A đến khu dân cư, dài : 160m
35	4. Giang Văn Minh	(Đặt tên cho đường số 17 - phường An Phú) từ xa lộ Hà Nội đến quán Trân Châu, dài : 380m
36	5. Lê Phụng Hiểu	(Đặt tên cho đường vào Công ty Vitaico - phường Cát Lái) Từ đường Nguyễn Thị Định đến Công ty Vitaico, dài : 1500m
37	6. Lê Thước	(Đặt tên cho đường số 7 - phường Thảo Điền) từ xa lộ Hà Nội đến đường số 12, dài : 240m
38	7. Lê Văn Miến	(Đặt tên cho đường số 52 - phường Thảo Điền) từ đường Thảo Điền đến đường Quốc Hương, dài : 320m
39	8. Lê Văn Thịnh	(Đặt tên cho đường số 30 - phường Bình

		Trung Đông và Bình Trưng Tây). Từ đường Nguyễn Duy Trinh đến Liên tỉnh lộ 25, dài : 560m.
40	9. Nguyễn Bá Huân	(Đặt tên cho đường số 1 - khu Thanh Bình, phường Thảo Điền) từ đường 49A đến khu dân cư, dài : 200m
41	10. Nguyễn Bá Lân	(Đặt tên cho đường số 36 - phường Thảo Điền) từ đường số 49A đến đường số 35, dài : 260m.
42	11. Nguyễn Cừ	(Đặt tên cho đường số 3, khu Thanh Bình - phường Thảo Điền). Từ đường số 49A đến khu dân cư, dài : 160m
43	12. Nguyễn Đăng Giai	(Đặt tên cho đường số 37, phường Thảo Điền). Từ đường Thảo Điền đến rạch, dài : 240m
44	13. Nguyễn Duy Hiệu	(Đặt tên cho đường số 38, phường Thảo Điền). Từ đường Thảo Điền đến rạch, dài : 240m
45	14. Nguyễn Ư Dĩ	(Đặt tên cho đường số 3, phường Thảo Điền). Từ đường Trần Ngọc Điện đến rạch, dài : 340m
46	15. Tống Hữu Định	(Đặt tên cho đường số 53, phường Thảo Điền). Từ đường Thảo Điền đến đường Quốc Hương, dài : 280m
47	16. Trần Nã	(Kéo dài đường Trần Nã gồm đoạn Trần Nã hiện hữu và đoạn nối dài từ Lương Định Của đến bờ sông Sài Gòn - phường An Bình, Bình Khánh và An Lợi Đông). Từ xa lộ Hà Nội đến bờ sông Sài Gòn, dài : 4500m.
48	17. Xuân Thủy	(Đặt tên cho đường số 49A, phường Thảo Điền). Từ đường Thảo Điền đến đường Nguyễn Văn Hưởng, dài : 780m
	<b>III. Quận 6</b>	
49	1. Bửu Đình	(Đặt tên cho đường số 61, phường 5).

		Từ Phan Văn Khỏe đến Hậu Giang, dài : 210m
50	2. Lê Tuấn Mậu	(Đặt tên cho đường chéo số 1 công viên Phú Lâm, phường 16). Từ đường Hùng Vương đến An Dương Vương, dài : 500m
	<b>IV. Quận 8</b>	
51	1. Hoàng Minh Đạo	(Đặt tên cho đường vào chợ Nhị Thiên Đường, phường 5). Từ Phạm Thế Hiển đến Bùi Minh Trực, dài : 260m
	<b>V. Quận 9</b>	
52	1. Bùi Quốc Khải	(Đặt tên cho đường số 38, phường Long Thạnh Mỹ). Từ đường số 37 đến cuối đường, dài : 200m
53	2. Bùi Xương Trạch	(Đặt tên cho đường số 95, phường Long Trường). Từ đường số 94A đến Hương Lộ 33, dài : 1600m
54	3. Đặng Nghiêm	(Đặt tên cho đường số 39, phường Long Thạnh Mỹ). Từ đường số 37 đến cuối đường, dài : 456m
55	4. Đinh Cung Viên	(Đặt tên cho đường số 121, phường Phước Long A). Từ đại lộ 1 đến Nam Hòa, dài : 1175m
56	5. Đỗ Thế Diên	(Đặt tên cho đường số 36B, phường Long Thạnh Mỹ). Từ Hương lộ số 31 đến cuối đường, dài : 518m
57	6. Mạc Hiền Tích	(Đặt tên cho đường số 12, phường Long Bình). Từ đường số 11 đến sông Đồng Nai, dài : 340m
	<b>VI. Quận 11</b>	
58	1. Nguyễn Thị Diệu Hương	(Đặt tên cho đường từ hẻm 319 Lý Thường Kiệt song song với đường Thiên Phước, phường 15), dài : 160m.

	<b>VII. Quận Bình Thạnh</b>	
59	1. Hồ Tá Bang	(Đặt tên cho đường nội khu đê Bà Láng, phường 17). Từ cầu sông đến rạch Lò Vôi, dài : 600m
60	2. Vũ Huy Tấn	(Đặt tên cho hẻm Đinh Tiên Hoàng, phường 3). Từ Đinh Tiên Hoàng đến Hoàng Hoa Thám nối dài, dài : 200m
	<b>VIII. Quận Tân Bình</b>	
61	1. Bùi Cầm Hổ	(Đặt tên cho hẻm 90 Hương lộ 14, phường 20). Từ Hương lộ 14 đến kênh Tân Hóa, dài : 200m
62	2. Đàm Thận Huy	(Đặt tên cho đường số 45, phường 18). Từ đường số 4 đến đường số 2, dài : 120m
63	3. Đỗ Bí	(Đặt tên cho đường số 5 - phường 18). Từ đường số 24 đến đường số 2, dài : 800m
64	4. Đỗ Thị Tâm	(Đặt tên cho đường số 21, khu phố 4 - phường 16). Từ đường Tân Hương đến đường số 19, dài : 225m.
65	5. Đỗ Thừa Luông	(Đặt tên cho đường số 8, khu phố 2 - phường 16). Từ đường số 7 đến Hương lộ 3, dài : 210m
66	6. Đỗ Thừa Tự	(Đặt tên cho đường số 9, khu phố 2 - phường 16). Từ đường số 7 đến Hương lộ 3, dài : 245m
67	7. Hoàng Văn Hòe	(Đặt tên cho đường số 5, khu phố 2 - phường 16). Từ đường Gò Dầu đến nhà thờ Tân Thái Sơn, dài : 275m
68	8. Hồ Bá Ôn	(Đặt tên cho đường nối kênh Tây Thạnh, phường 15). Từ Hương lộ 13 đến đường tập đoàn 30/4, dài : 580m
69	9. Lê Bình	(Đặt tên cho đường mới mở cạnh Trung tâm y tế quận, phường 4). Từ kênh Nhiêu Lộc đến đường Hoàng Văn Thụ, dài : 650m

70	10. Lê Cảnh Tuân	(Đặt tên cho hẻm 392 đường số 1, phường 18). Từ đường số 1 đến Địa Đạo, dài : 230m.
71	11. Lê Đại	(Đặt tên cho hẻm 6B đường số 1, phường 18). Từ đường số 1 đến Địa Đạo, dài : 205m
72	12. Lê Khôi	(Đặt tên cho đường số 22, phường 18). Từ đường số 3 đến nhánh Hương lộ 2, dài : 400m.
73	13. Lê Lãng	(Đặt tên cho đường số 23, phường 18). Từ đường số 8 đến đường số 25, dài : 450m
74	14. Lê Liễu	(Đặt tên cho đường số 12, khu phố 3, phường 16). Từ đường Tân Kỳ - Tân Quý đến đường Gò Dầu, dài : 300m
75	15. Lê Lộ	(Đặt tên cho đường số 6, phường 18). Từ kênh Nước Đen đến đường số 3, dài : 1000m
76	16. Lê Lư	(Đặt tên cho đường số 25, phường 18). Từ đường số 8 đến Hương lộ 3, dài : 690m
77	17. Lê Ngã	(Đặt tên cho hẻm 651 Âu Cơ, phường 19). Từ đường Âu Cơ đến đường Huỳnh Văn Chính, dài : 360m
78	18. Lê Niệm	(Đặt tên cho đường số 9, phường 18). Từ đường số 24 đến đường số 2, dài : 963m
79	19. Lê Quang Chiêu	(Đặt tên cho hẻm 44/33 bis đường vào Xí nghiệp phân bón hữu cơ - phường 20). Từ đường số 1 đến Xí nghiệp Phân bón hữu cơ, dài : 180m
80	20. Lê Quốc Trinh	(Đặt tên cho đường số 33 - phường 18). Từ đường số 2 đến đường số 8, dài : 310m
81	21. Lê Sao	(Đặt tên cho đường số 19 - phường 18). Từ đường số 2 đến đường số 24, dài : 963m
82	22. Lê Thiệt	(Đặt tên cho đường số 27 - phường 18).



		Từ đường số 8 đến Hương lộ 3, dài : 720m
83	23. Lê Trung Đình	(Đặt tên cho đường số 26, khu phố 6 - phường 16). Từ Tân Kỳ - Tân Quý đến Hương lộ 13, dài : 275m
84	24. Lê Văn Huân	(Đặt tên cho đường số C9 - phường 13). Từ đường Cộng Hòa đến đường B1, dài : 363m
85	25. Lê Văn Phan	(Đặt tên cho hẻm 534E đường Địa đạo Phú Thọ Hòa - phường 18). Từ đường Vườn Lài đến Địa Đạo, dài : 460m
86	26. Lê Vĩnh Hòa	(Đặt tên cho đường số 31 - phường 18). Từ đường số 2 đến đường số 8, dài : 310m.
87	27. Lý Tuệ	(Đặt tên cho đường số 11 khu phố 3 - phường 16). Từ đường số 10 đến đường số 12, dài : 275m
88	28. Lương Minh Nguyệt	(Đặt tên cho hẻm 47 Hương lộ 14 - phường 20). Từ Hương lộ 14 đến hẻm 125, dài : 300m
89	29. Lương Trúc Đàm	(Đặt tên cho hẻm 116 Hương lộ 14 - phường 20). Từ Hương lộ 14 đến đường Phân bón hữu cơ, dài : 550m
90	30. Ngô Bệ	(Đặt tên cho đường C8 - phường 13). Từ đường Cộng Hòa đến đường B1, dài : 281m
91	31. Nguyễn Bá Tuyền	(Đặt tên cho đường C29 - phường 12). Từ đường C25 đến đường C28, dài : 300m
92	32. Nguyễn Lộ Trạch	(Đặt tên cho đường số 6 - phường 16). Từ đường Tân Hương đến đường Gò Dầu, dài : 625m

93	33. Nguyễn Lý	(Đặt tên cho đường trước Xí nghiệp phân bón hữu cơ - phường 20). Từ giao lộ đường số 1 và đường số 3 đến Xí nghiệp phân bón hữu cơ, dài : 240m
94	34. Nguyễn Nhữ Lãm	(Đặt tên cho đường số 16 - phường 18). Từ đường số 1 đến đường số 29, dài : 140m
95	35. Nguyễn Quang Bích	(Đặt tên cho đường B4 - phường 13). Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường B3, dài : 350m
96	36. Nguyễn Sĩ Sách	(Đặt tên cho hẻm nối đường Trần Thái Tông với đường Phạm Văn Bạch và đường Trường Chinh - phường 15). Từ đường Phạm Văn Bạch đến đường Trường Chinh, dài : 920m
97	37. Nguyễn Thế Lộc	(Đặt tên cho đường C23 - phường 12). Từ đường A4 đến đường C18, dài : 110m
98	38. Nguyễn Văn Săng	(Đặt tên cho hẻm bên hông Xí nghiệp Bạch Tuyết - phường 14). Từ đường Âu Cơ đến đường Tân Sơn Nhì, dài : 580m
99	39. Phạm Quý Thích	(Đặt tên cho đường số 15, khu phố 4 - phường 16). Từ Tân Hương đến kênh Nước Đen, dài : 175m
100	40. Phan Bá Phiến	(Đặt tên cho đường C24, phường 12). Từ đường A4 đến đường Quách Văn Tuấn, dài: 285m
101	41. Quách Đình Bảo	(Đặt tên cho đường số 13, phường 18). Từ đường số 24 đến đường số 2, dài :

		963m
102	42. Quách Hữu Nghiêm	(Đặt tên cho hẻm 81A Hương lộ 2, phường 18). Từ Hương lộ 2 đến cuối đường, dài: 180m
103	43. Trần Văn Dur	(Đặt tên cho đường số B3, khu quân sự cũ - phường 13). Từ số 384 đường Cộng Hòa đến ranh sân bay, dài : 800m
104	44. Trần Văn Hoàng	(Đặt tên cho đường vòng nhà thờ Hâm, phường 9). Từ ngã ba Thiên Phước - Nguyễn Thị Nhỏ đến vòng ra Nguyễn Thị Nhỏ, dài : 264m
105	45. Trần Tấn	(Đặt tên cho hẻm biến thế 110KV - phường 14). Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Âu Cơ, dài : 560m
106	46. Trịnh Lỗi	(Đặt tên cho đường số 43, phường 18). Từ đường số 4 đến kênh Nước Đen, dài : 190m
107	47. Võ Hoàn	(Đặt tên cho đường số 39, phường 18). Từ đường số 4 đến đường số 2, dài : 120m
108	48. Võ Văn Dũng	(Đặt tên cho đường số 18, phường 18). Từ đường số 1 đến đường số 3, dài : 800m
<b>IX. Huyện Bình Chánh</b>		
109	1. Hồ Sĩ Dương	(Đặt tên cho đường cư xá khu phố 2 An Lạc - thị trấn An Lạc) từ đường Hùng Vương đến cuối đường, dài : 500m
110	2. Nguyễn Triệu Luật	(Đặt tên cho đường ấp 3 - xã Tân Tạo). Từ Quốc lộ 1A đến cuối đường, dài : 450m
111	3. Nguyễn Trục	(Đặt tên cho đường ngang thứ 6 - cư xá Phú Lâm C). Nối góc thước thợ với hẻm Đại Hưng, một đầu cụt, một đầu nối với hẻm nhỏ thông ra đường Hùng Vương, dài : 300m.

112	4. Nguyễn Trọng Trì	(Đặt tên cho hẻm dịch vụ - thị trấn An Lạc). Từ đường Hùng Vương đến đường Tên Lửa, dài : 500m
113	5. Quách Điều	(Đặt tên cho đường đi Tân Hòa - xã Vĩnh Lộc A). Từ Hương lộ 80 qua Hóc Môn, phần trên xã Vĩnh Lộc A, dài : 3750m
<b>X. Huyện Củ Chi</b>		
114	1. Giáp Hải	(Đặt tên cho đường số 9 - thị trấn Củ Chi). Từ Quốc lộ 22 đến cuối đường, dài : 520m
115	2. Hà Duy Phiên	Đặt tên cho đường từ Rạch Tra (ranh Hóc Môn) đến tỉnh lộ 8 (xã Bình Mỹ) dài 6125m.
<b>XI. Huyện Cần Giờ</b>		
116	1. Đào Cử	Đặt tên cho đường từ ngã ba dược phẩm đến đường Lê Hùng Yên (xã Cần Thạnh), dài : 2000m
117	2. Đặng Văn Kiều	Đặt tên cho đường từ Bến đò cơ khí đến ngã ba Chú Năm Nhất, Hương lộ 1A (xã Cần Thạnh), dài : 469m.
118	3. Trần Quang Quờn	(Đặt tên cho đường Kho đồng - xã Bình Khánh). Từ đường trục Cần Giờ đến sông Soài Rạp, dài : 1563m

Tổng cộng : 118 (một trăm mười tám) đường đặt tên mới.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**